

Số:10/2022/QĐST- DS

B, ngày 01 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 430, 440 và 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLST - DS ngày 12 tháng 5 năm 2022

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn T – Sinh năm 1985

Trú tại: Khu Phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh hóa.

Người được ủy quyền: Anh Hà Văn T – Sinh năm 1991

Trú tại: Thôn K, xã Văn N, huyện B, Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trương Công Đ – Sinh năm 1994

Trú tại: Thôn M, xã L, huyện B, tỉnh Thanh hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trương Công Đ thừa nhận còn nợ tiền mua tôn, nhôm kính với anh Trịnh Văn T số tiền còn lại là 10.813.000đ (Mười triệu tám trăm mười ba nghìn đồng),

Các bên đương sự thống nhất việc thanh toán tiền như sau: Anh Đ có nghĩa vụ trả tiền cho anh Trịnh Văn T 10.813.000đ (Mười triệu tám trăm mười ba nghìn đồng) vào ngày 30/6/2022.

Kể từ sau khi án có hiệu lực pháp luật Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án ra quyết định, anh Đ chưa thi hành số tiền phải thi hành án thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 –BLDS năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 – BLTTDS, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 6 Điều 19 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bên thỏa thuận: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST là 300.000đ (Ba nghìn đồng).

Anh Trịnh Văn T được trả lại số tiền nộp tạm ứng án phí 366.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008592, ngày 12/5/2022 do anh Hà văn T người được ủy quyền nộp thay anh T tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Bá Thước;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga